

MỘT SỐ BIỆN PHÁP TẠO HỨNG THÚ HỌC TẬP CHO HỌC SINH ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC

Lê Phương Nga, Trần Ngọc Lan
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Nguồn cảm hứng được coi là một trong những yếu tố quan trọng cho sự thành công trong học tập và nghề nghiệp. Như một vấn đề của thực tế, giảng dạy trở nên thực sự hiệu quả chỉ khi sinh viên thấy sự quan tâm trong việc học. Trên nền tảng của ba đối số cơ bản, bài viết này đề xuất năm biện pháp để truyền cảm hứng cho học sinh ở cấp tiểu học, bao gồm: (i) Làm sinh viên nhận thức được mục tiêu và lợi ích của bài học; (ii) Tạo ra các thay đổi đối với nội dung giảng dạy; (iii) Kết hợp các phương pháp và hình thức linh hoạt trong học tập; (iv) Phát triển môi trường thân thiện giữa sinh viên và giáo viên và học sinh; (v) Tạo ra các khái niệm sáng tạo liên quan đến kiểm tra, đánh giá, trên cơ sở đó ảnh hưởng của một số biện pháp thông qua đối tượng nội dung giảng dạy Toán và Việt Nam được cụ thể hóa. Các biện pháp đề xuất không chỉ áp dụng cho những đối tượng mà còn phù hợp với phần còn lại ở cấp tiểu học.

Từ khóa: Nguồn cảm hứng, chất lượng dạy học tiểu học, mục tiêu, lợi ích bài học, môi trường thân thiện, khái niệm sáng tạo.

1. Mở đầu

Quá trình dạy học gồm 5 thành tố cơ bản: Mục đích dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện và thiết bị dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Với các thành tố đó, có nhiều nhóm biện pháp tạo hứng thú học tập cho học sinh và chúng thuộc những bình diện khác nhau của quá trình dạy học. Có biện pháp tác động vào việc trình bày mục tiêu bài học, có biện pháp tác động vào nội dung dạy học, có biện pháp tác động vào phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, có biện pháp tác động vào phương tiện, thiết bị dạy học, có biện pháp tác động vào kiểm tra đánh giá (bao gồm cả nhận xét), tác động vào quan hệ tương tác thân thiện giữa thầy - trò, trò - trò...

Ngày nhận bài: 20/1/2012. Ngày nhận đăng: 29/10/2013.
Liên hệ: Lê Phương Nga, e-mail: lephuongnga54@gmail.com

Bài viết này chưa đặt ra vấn đề bàn lại mục tiêu và chương trình của từng môn học. Đó là một vấn đề lớn của một công trình nghiên cứu khác. Ở đây chúng tôi chỉ bàn đến những biện pháp tạo hứng thú học tập trên một chương trình dạy học đang được thực thi. Vì vậy, thành tố mục tiêu chỉ giới hạn ở làm cho học sinh nhận thức mục tiêu, lợi ích của bài học. Do khuôn khổ của bài viết, trong phần trình bày nhóm biện pháp tác động vào nội dung dạy học, chỉ tập trung minh họa ở môn Tiếng Việt và nhóm biện pháp tác động vào phương pháp dạy học, chỉ tập trung minh họa ở môn Toán. Những luận điểm và ý tưởng tạo hứng thú học tập cho học sinh tiểu học đề cập ở đây không chỉ áp dụng trong hai môn học này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tạo hứng thú học tập bằng cách làm cho học sinh nhận thức được mục tiêu, lợi ích của bài học

Hứng thú là một thuộc tính tâm lí mang tính đặc thù cá nhân. Hứng thú có tính lựa chọn. Đối tượng của hứng thú chỉ là những cái cần thiết, có giá trị, có sức hấp dẫn với cá nhân. Vậy vấn đề gì thu hút sự quan tâm, chú ý tìm hiểu của các em? Trả lời được câu hỏi này tức là người GV đã sống cùng với đời sống tinh thần của các em, biến đổi những nhiệm vụ học tập khô khan phù hợp với những mong muốn, nhu cầu, sở thích, nguyện vọng (tất nhiên là phải tích cực, chính đáng) của HS.

Hứng thú học tập trước hết được tạo ra bằng cách làm cho HS ý thức được lợi ích của việc học để tạo động cơ học tập. Mục tiêu này có thể được trình bày một cách tường minh ngay trong tài liệu học tập (như cách trình bày của tài liệu hướng dẫn học của dự án *Mô hình trường học mới Việt Nam*) hoặc có thể trình bày thông qua các tình huống dạy học cụ thể. Ngay từ những ngày đầu HS đến trường, chúng ta cần làm cho các em nhận thức về lợi ích của việc học một cách tích cực và thiết thực: "Con mà biết chữ thì thật là thú vị. Cô có thể viết cho con lời nhắn, con có thể đọc truyện... ", "Con làm được một đồ chơi đẹp, vẽ được một bức tranh đẹp, làm thế nào để mẹ và cô biết là của con. Hãy học để viết tên lên đồ chơi và tranh nhé!", "Và đây là căn nhà đầy đồ chơi. Chìa khóa để mở có ghi một chữ, ai biết đọc sẽ mở được ngay", "Đây là một vương quốc thật diệu kì chỉ dành cho những người biết đọc, biết viết"...

Với mỗi bài học cụ thể, giáo viên cần giúp cho học sinh nhận ra tính lợi ích của một nội dung nào đó. Chẳng hạn, sự cần thiết của dấu phẩy sẽ được làm rõ khi chỉ ra sự khác nhau về nghĩa của hai câu: "Đêm hôm, qua cầu gãy" và "Đêm hôm qua, cầu gãy". Tính lợi ích của một nội dung dạy học cũng được thể hiện rõ khi chúng ta đặt ra sự đối lập giữa "có nó" và "không có nó", ví dụ: Điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta không có chữ viết? Chuyện gì sẽ xảy ra khi chúng ta không có những từ đồng nghĩa, không có câu ghép?...

2.2. Tạo hứng thú học tập bằng cách tác động vào nội dung dạy học

Nội dung dạy học được chia ra rất nhiều cấp độ. Ví dụ như trong môn Tiếng Việt, trước hết đó là các phân môn, các mạch kiến thức - kĩ năng, cụ thể hóa đến nhóm, kiểu,

dạng bài tập và cho đến tận từng bài tập cụ thể. Từ bình diện nội dung dạy học, trên một bài tập, ta có thể tác động vào phần lệnh hoặc phần ngữ liệu.

Việc trình bày đầy đủ các biện pháp tạo hứng thú trên bình diện nội dung dạy học cần cả một quyển sách. Sau đây chúng tôi chỉ lấy một vài dẫn chứng về việc lựa chọn ngữ liệu dạy học tiếng Việt.

Không có con đường nào khác để làm nảy sinh và duy trì hứng thú của học sinh với tiếng Việt và văn học ngoài cách giúp các em thấy được sự thú vị, vẻ đẹp và khả năng kì diệu của chính đối tượng học tập - tiếng Việt, văn chương. Đây cũng chính là ngữ liệu của dạy tiếng.

Từng giờ, từng phút trong giờ tiếng Việt, người giáo viên đều hướng đến hình thành và duy trì hứng thú cho học sinh. Đó có thể là một lời vào bài hấp dẫn cho giờ tập đọc: “Đây là một con chim sẻ rất nhỏ bé. Thế nhưng nhà văn Tuốc-ghe-nhép đã kính cẩn nghiêng mình thán phục trước nó, vì sao vậy? Chúng ta hãy cùng nhau đọc bài *Con sẻ* để trả lời câu hỏi này”. Hứng thú của học sinh cũng được khơi dậy từ việc chỉ ra vẻ đẹp của một từ, cái hay của một tình tiết truyện, chẳng hạn: Tiếng hót của chim chiến chiến không phải “ríu rít”, “thánh thót” mà “ngọt ngào”, “long lanh”, “chan chứa” thì mới gây ấn tượng. Hoa sầu riêng nở “tím ngắt” chứ không phải chỉ “tím ngắt” hay “ngan ngắt”. Như thế thì mới có cả màu hoa, hương hoa chỉ trong một từ. Tình tiết người mẹ cho hồ nước đôi mắt của mình để tìm đường đến chỗ Thần Chết đòi trả lại con trong chuyện *Người mẹ* của An-đéc-xen đến nay còn lay động tâm can biết bao người...

Ngay cả những vấn đề lí thuyết ngữ pháp khô khan cũng đều có thể gây hứng thú cho HS nếu chúng ta biết lựa chọn ngữ liệu khai thác những đặc điểm thú vị của tiếng Việt, chẳng hạn đó là mối quan hệ giữa kiểu nghĩa và cấu tạo từ, giá trị gọi tả gọi cảm của lớp từ láy, quy luật chuyển nghĩa của từ nhiều nghĩa; khả năng tạo những “định danh nghệ thuật”, “đồng nghĩa kép” của hiện tượng đồng nghĩa, sự bất ngờ thú vị của hiện tượng đồng âm. Chẳng hạn, bài tập phân tích nghĩa của câu sẽ thú vị nếu GV sử dụng ngữ liệu đồng âm, đặc biệt là đồng âm cú pháp. Ví dụ : “Nhiều bạn gái đang múa hát rất hay, Chúng tôi học qua loa” .

Ngữ liệu tiếng Việt trở nên hấp dẫn khi thể hiện tính năng sản của ngôn ngữ. Ví dụ, tiếng *học*, từ *tay*... hoàn toàn trở thành ngữ liệu hấp dẫn trong các bài tập: "Tìm các từ có chung tiếng tiếng học", "Tìm thành ngữ, tục ngữ cùng chứa từ tay" ... Vì tiếng *học* có mặt trong rất nhiều từ ngữ: *học bạ, học bổng, học cụ, học đòi, học đường, học gạo, học giả, học hành, học hỏi, học kì, học lõm, học phí, học sinh, học tập*... ; từ *tay* xuất hiện trong 21 thành ngữ, tục ngữ.

Ngữ liệu hấp dẫn phản ánh được nét độc đáo của tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn lập mà phương thức ngữ pháp chủ yếu là trật tự từ. Với bài tập yêu cầu HS sắp xếp các từ cho trước để tạo câu, nên chọn những từ có khả năng sắp xếp thành nhiều câu khác nhau, ví dụ nếu chọn 5 từ *sao, nó, không, đến, bảo* có khả năng tạo thành trên 50 câu khác nhau.

Những kiến thức ngữ pháp nên được xem xét dưới góc độ của người sử dụng ngôn ngữ sẽ gây được hứng thú. Ví dụ, dạy bài *Danh từ riêng* có thể bắt đầu bằng cách nhận xét

về cách đặt tên của người Việt. Khi dạy *Đại từ nhân xưng*, có thể cho học sinh nhận xét về văn hoá của người Việt trong cách xưng hô. Học sinh chưa hiểu hết được sự tế nhị trong cách xưng hô của người Việt và không phải em nào cũng biết xưng hô với bạn bè, cha mẹ, người thân một cách có văn hoá nên phát hiện này đối với các em cũng là điều thú vị. . .

Không có cách gì tạo ra hứng thú với tiếng mẹ đẻ và văn chương ngoài con đường cho trẻ tiếp xúc trực tiếp, càng nhiều càng tốt với những tác phẩm văn chương, những mẫu hình sử dụng ngôn ngữ mẫu mực vì “Không làm thân với văn thơ thì không nghe thấy được tiếng lòng chân thật của nó” (Lê Trí Viễn).

2.3. Tạo hứng thú học tập bằng cách phối hợp các phương pháp và các hình thức dạy học linh hoạt

Ngoài việc khai thác sự lí thú trong chính nội dung dạy học, hứng thú của HS còn được hình thành và phát triển nhờ các phương pháp, thủ pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với sở thích của các em. Đó chính là cách tổ chức dạy học dưới dạng các trò thi đấu, các trò chơi, tổ chức hoạt động sắm vai, tổ chức hoạt động học theo nhóm, tổ chức dạy học dự án, tổ chức dạy học ngoài không gian lớp học...

2.3.1. Tổ chức trò chơi học tập:

Trong thực tế dạy học, giờ học nào tổ chức trò chơi cũng đều gây được không khí học tập hào hứng, thoải mái, vui nhộn. Nghiên cứu cho thấy, trò chơi học tập có khả năng kích thích hứng thú và trí tưởng tượng của trẻ em, kích thích sự phát triển trí tuệ của các em.

Trò chơi học tập nhất thiết phải là một bộ phận của nội dung bài học, phải là một phần cấu tạo nên bài học. Trong trò chơi, khi mọi thứ đều thật, chẳng hạn trong môn Tiếng Việt, từ vẫn là từ, câu vẫn là câu, trò vẫn là trò, thầy vẫn là thầy, trò chơi sẽ bớt phần thú vị. Trò chơi cuốn hút trẻ em hơn nếu có được sự giả định từ tên gọi, từ người tham gia, từ tình huống đến kết quả chơi. Ví dụ nhóm trò chơi Trong vườn cổ tích đã khai thác tính giả định của trò chơi từ nguồn văn bản truyện cổ. Khi đó, trò chơi vừa minh hoạ sinh động kiến thức, kĩ năng tiếng Việt, vừa tạo ra được một không khí cổ tích huyền diệu, gợi lại nội dung các văn bản truyện cổ mà HS đã học ở phân môn Tập đọc hay Kể chuyện. Ví dụ, từ truyện *Tấm Cám*, xây dựng trò chơi “Chim sẻ giúp cô Tấm” dành cho các bài tập nhận diện, phân loại,... Từ truyện *Sơn Tinh Thuỷ Tinh*, có thể xây dựng trò chơi “Dâng núi chống lụt” cho những bài tập chính tả, làm giàu vốn từ,...

Có thể kể vào trò chơi học tập hoạt động sắm vai. Đây là một trò chơi có rất nhiều lợi thế để dạy học Tiếng Việt. Sắm vai trong dạy học là nhận một vai giao tiếp nào đó nhằm thể hiện sinh động nội dung học tập. Hình thức học tập sắm vai nhiều khi rất vui nhờ những chi tiết hài hước, ngộ nghĩnh do những “diễn viên bất đắc dĩ” tạo nên. Hình thức sắm vai đặc biệt phát huy tác dụng trong các giờ tập làm văn rèn kĩ năng nói, nó giúp học sinh được thực hành giao tiếp, được quan sát trực tiếp hoạt động nói với sự kết hợp sinh động của phương tiện âm thanh và các yếu tố phi ngôn ngữ.

2.3.2. Tổ chức hoạt động học theo nhóm

Học theo nhóm là hình thức học tập có sự hợp tác của nhiều thành viên trong lớp nhằm giải quyết những nhiệm vụ học tập chung. Được tổ chức một cách khoa học, học theo nhóm sẽ phát huy tính tích cực, sáng tạo, năng lực, sở trường, tinh thần và kỹ năng hợp tác của mỗi thành viên trong nhóm. Trong giờ học Tiếng Việt, biện pháp này đã tạo nên một môi trường giao tiếp tự nhiên, thuận lợi, đó là hoạt động giao tiếp nhằm trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm của những người bạn.

2.3.3. Tổ chức dạy học ngoài trời

Dạy học ngoài trời giúp HS tìm hiểu rất nhiều kiến thức, kỹ năng từ cuộc sống. Dạy học ngoài trời là một hình thức tổ chức dạy học có nhiều lợi thế để phát triển năng lực giao tiếp cho HS, một năng lực cần thiết cho tất cả mọi môn học.

Dạy học ngoài trời tạo điều kiện để HS quan sát thiên nhiên, chơi các trò chơi để gây hứng thú, sự tích cực học tập cho các em. Tổ chức tiết học ngoài trời sẽ giúp HS tri giác trực tiếp đối tượng và ghi nhớ tốt, không phải tri giác gián tiếp qua các phương tiện dạy học. Các em có điều kiện gần gũi, hiểu biết về thiên nhiên, từ đó có ý thức bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống xung quanh. Hoạt động ngoài lớp còn là cơ hội để các em bộc lộ cá tính, năng khiếu, sở trường, đồng thời có tác dụng hình thành thói quen hợp tác, tương trợ, học hỏi lẫn nhau. Ngoài ra, trong môn Tiếng Việt, nhiều nội dung nói viết của phân môn TLV gắn liền với môi trường địa phương, nơi HS đang sinh sống nên việc dạy học ngoài không gian lớp học lại càng quan trọng.

Có thể nói, bình diện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học là bình diện mang tính linh hoạt mềm dẻo, đa dạng nhất trong quá trình dạy học, tác động vào nó có nhiều lợi thế nhất để tạo hứng thú học tập cho học sinh mà đảm bảo trang viết không có tham vọng trình bày được đầy đủ. Sau đây, chúng tôi chỉ đi vào minh họa bằng một vài biện pháp tạo hứng thú học toán cho học sinh tiểu học trên bình diện này.

Theo hoạch định của các chiến lược về mục tiêu, chương trình và sách giáo khoa (SGK) cùng với đặc thù riêng của môn toán, các nội dung dạy học có tính chất toán học thuần túy được lựa chọn để dạy cho HS tiểu học khá ổn định; đảm bảo tính thiết thực; khả dụng; vừa sức; hiện đại và tích hợp.

Theo quan niệm của GS Nguyễn Bá Kim, phương pháp dạy học được hiểu là "cách thức hoạt động và giao lưu của thầy gây nên những hoạt động và giao lưu cần thiết của trò nhằm đạt được mục đích dạy học" [1;102]. Theo quan niệm này, phương pháp dạy học được xem là phương tiện tư tưởng nhằm đạt mục đích dạy học; Phương pháp dạy học được hiểu theo nghĩa rộng và có tính khái quát nhưng vẫn được xác định khá chặt chẽ bởi mục đích sư phạm với các nội dung dạy học cụ thể. Mọi thuyết minh về sử dụng phương pháp khéo léo tài tình đều trở nên vô nghĩa nếu người học không có kết quả (không hiểu biết thêm kiến thức và không đạt được kỹ năng tương ứng). Ngay cả khi đạt được kết quả thì các kết quả đó có thực chất và bền vững hay không phụ thuộc rất lớn (nếu không nói là hoàn toàn) vào mức độ hứng thú của người học. Vậy thực chất của việc tạo hứng thú học toán cho HS trên bình diện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học là tạo ra được các

tình huống để HS tiếp cận, vận dụng nội dung toán học thiết thực và tự nhiên. Sự hình thành mỗi kiến thức toán học như sự phát triển tất yếu của hệ thống các nhu cầu nhận thức của họ. Khi các nhu cầu nhận thức được thỏa mãn thì đó chính là bản chất bên trong của hứng thú chứ không phải là các khẩu hiệu hoặc biểu tượng bề ngoài. Phương pháp dạy học thể hiện vai trò là phương tiện tư tưởng ở chỗ tạo được điểm tựa để HS tự trải nghiệm; tự điều chỉnh các kiến thức và kĩ năng sẵn có để tiếp nhận tri thức mới vào hệ thống tri thức của cá nhân. Yêu cầu này chỉ được hiện thực hóa thông qua việc thiết kế công phu từng hoạt động thành phần cho mỗi nội dung học tập của HS. Một số ví dụ dưới đây, xem như những minh họa bước đầu cho biện pháp kích thích từ bên trong của quá trình nhận thức nhằm tạo hứng thú học toán cho học sinh tiểu học.

2.3.4. Thiết kế các trò chơi học tập để HS tiếp cận kiến thức toán một cách nhẹ nhàng, thú vị

Ví dụ 1: Với mục tiêu là: Hình thành biểu tượng (khái niệm ban đầu) về diện tích một hình (*Toán 3* - trang 150); chúng ta hãy thử nghiệm hai cách thiết kế dưới đây để cảm nhận về sự khác biệt tâm lí và thái độ học tập của HS:

Cách 1: Nghe giảng và xem minh họa	Cách 2: Vui chơi có thưởng
GV có một hình tròn (miếng bìa đỏ hình tròn), một hình chữ nhật (miếng bìa trắng hình chữ nhật). Đặt hình chữ nhật nằm trọn trong hình tròn. Ta nói: Diện tích hình chữ nhật bé hơn diện tích hình tròn. (GV chỉ vào phần mặt miếng bìa màu trắng bé hơn phần mặt miếng bìa màu đỏ) (<i>Sách Giáo viên Toán 3</i> , trang 235).	GV chia nhóm 4 HS; mỗi nhóm nhận một tờ giấy kẻ 64 ô vuông (8×8) và hai bút dạ khác màu (xanh - đỏ); Hai nhóm ngồi đối diện. Chơi oản tù tì, nhóm nào thắng thì được tô vào 4 ô (yêu cầu tô lần lượt từng hàng) sau hai phút dừng lại kiểm tra. Nhóm tô được phần giấy rộng hơn thì thắng cuộc. Các nhóm thắng cuộc thì dán kết quả tô lên bảng lớp. GV yêu cầu so sánh mức độ rộng - hẹp của phần giấy đã tô mà các nhóm được dán trên bảng, (nêu cách nhận biết). Trao thưởng cho nhóm đã tô được phần giấy rộng nhất. GV chỉ vào phần giấy của nhóm đã tô rộng nhất và giới thiệu: ta nói nhóm này tô được diện tích lớn nhất.

Cách 1: HS phải nghiêm túc chăm chú quan sát hình vẽ; và lắng nghe lời giải thích của GV; để nhận biết một cách trực giác là: hình này nằm trọn trong hình kia thì diện tích hình này bé hơn diện tích hình kia. Từ đó có biểu tượng ban đầu về diện tích một hình.

Cách 2: HS nhận đồ dùng (bút màu và giấy kẻ ô); cùng nhau oản tù tì để chơi và tạo ra phần giấy được tô màu (theo các hàng, cột); so sánh lần 1, HS nhận ra trong 2 nhóm, nhóm nào tô rộng hơn thì được dán lên bảng. So sánh lần 2, HS nhận ra nhóm tô được phần giấy rộng nhất trong các nhóm đã dán lên bảng. Khi giải thích kết quả so sánh HS có thể quan sát; có thể đặt chồng lên nhau; có thể đếm số ô vuông đã tô màu. Như vậy HS

nhận biết: diện tích hình này bé hơn diện tích hình kia (không chỉ bằng trực giác hình này nằm trọn trong hình kia). Các hoạt động được thiết kế đã giúp HS tự kiến tạo và tiếp cận biểu tượng ban đầu về diện tích một hình khá nhẹ nhàng, lí thú.

Ví dụ 2: Với mục tiêu: Thành lập bảng đơn vị đo độ dài và nhận biết quan hệ giữa hai đơn vị đo liền kề. (bài: *Bảng đơn vị đo độ dài*; SGK *Toán 3* trang 45), chúng ta cũng thử nghiệm 2 cách thiết kế hoạt động học tập của HS dưới đây:

Cách 1: Hướng dẫn cách lập bảng và nêu lên quan hệ	Cách 2: Vui chơi có thưởng để tự hình thành bảng về nêu quan hệ
<p>“GV yêu cầu nêu các đơn vị đo độ dài đã học. HS có thể nêu không theo thứ tự nhất định, GV hướng dẫn HS điền dần vào bảng kẻ sẵn để được bảng hoàn thiện như trong SGK. Chẳng hạn: Khi HS lần lượt nêu các đơn vị đo độ dài, GV có thể viết ra ở phần bảng khác. Khi HS đã nêu đủ 7 đơn vị đo độ dài thì GV cho HS nêu đơn vị đo cơ bản là mét; GV ghi chữ "mét" vào cột giữa của bảng kẻ sẵn; ghi kí hiệu "m" ở dòng dưới cùng cột. Sau đó GV cho HS nhận xét có những đơn vị đo nhỏ hơn mét ta ghi ở các cột bên phải cột mét, GV ghi chữ "nhỏ hơn mét" vào bảng kẻ sẵn. Có các đơn vị đo lớn hơn mét ta ghi các đơn vị lớn hơn mét ở bên trái cột Mét, GV ghi chữ "lớn hơn mét" vào bảng kẻ sẵn....</p> <p>GV cho HS nhìn bảng và lần lượt nêu quan hệ giữa hai đơn vị đo liền nhau...</p>	<p>GV cho HS đọc nhiều lần để ghi nhớ bảng (SGV <i>Toán 3</i>, trang 86). Trò chơi 1: GV treo 2 bảng kẻ sẵn; chia lớp thành hai đội; mỗi đội nhận một bút dạ; và yêu cầu mỗi đội ghi (tiếp sức) vào các chỗ chấm trong bảng: HS hai đội lần lượt thi đua điền tên các đơn vị đo lớn hơn mét (km; hm; dam); nhỏ hơn mét (dm; cm; mm); ghi các số vào chỗ chấm: $1\text{km} = \dots\text{hm}$; $1\text{hm} = \dots\text{dam}$; $\text{dam} = \dots\text{m}$; $1\text{m} = \dots\text{dm}$; $1\text{dm} = \dots\text{cm}$; $1\text{cm} = \dots\text{mm}$ và điền vào kết luận: "Mỗi đơn vị đo độ dài gấp lần đơn vị đo bé hơn liền nó". Đội nào xong trước và điền đúng thứ tự các đơn vị và các số vào chỗ chấm thì thắng cuộc. GV yêu cầu HS mỗi nhóm đọc lại tên các đơn vị đo trong bảng theo thứ tự và đọc lại kết luận về quan hệ giữa các đơn vị liền kề.</p> <p>Trò chơi 2: GV nêu một số câu đố; mỗi đội có một chuông để giành quyền trả lời. Chẳng hạn: "Đố bạn biết đơn vị đo độ dài nào mà cứ 10 đơn vị đó là 1 mét?", Hoặc đố bạn đơn vị đo độ dài nào mà 1 đơn vị đó bằng 100 mm; đội rung chuông trước được quyền trả lời. Nếu trả lời đúng được 10 điểm. Nếu trả lời sai 0 điểm và đội còn lại giành quyền trả lời. Cứ chơi như vậy sau 5 phút đội nào nhiều điểm hơn thì thắng cuộc;</p> <p>Yêu cầu HS 2 đội nói cho nhau nghe về thứ tự của các đơn vị đo độ dài trong bảng và quan hệ của hai đơn vị đo liền kề.</p>

Cách 1: Thể hiện rõ vai trò của GV qua các hoạt động trong quá trình hoàn thành mục tiêu: GV hướng dẫn; GV cho HS... GV ghi....